

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 20/4/2018

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Ngọc Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Quốc Phòng; ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** chị Hoàng Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Vũ Đức T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Vũ Đức T vào tháng 2 năm 1992 tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T hay uống rượu rồi về chửi bới, đánh đập vợ con, bản thân chị đã khuyên bảo nhưng anh T không nghe; Đến khoảng năm 2011, anh T lại có quan hệ nam nữ không lành mạnh, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được vì thế đến năm 2015 vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng với anh T được nữa vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Đức T trình bày: Về điều kiện thủ tục kết hôn của vợ chồng anh như chị L trình bày là đúng. Anh thừa nhận sau quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ

chồng không cùng quan điểm sống, không hợp nhau vì thế đến năm 2011 anh đã đi làm ăn xa, từ năm 2015 trở đi vợ chồng chính thức sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên can nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị L xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị L, anh T cùng trình bày có 02 con chung tên là Vũ Thị H, sinh ngày 25/8/1993 và Vũ Hoàng Hồng L, sinh ngày 23/3/2001.

Theo chị L, cháu H đã trưởng thành, tự lập nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu L hiện đang ở với chị nên chị xin được tiếp tục nuôi cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, hiện chị đang làm tại Công ty cổ phần đất hiếm ở xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam với thu nhập khoảng 3.716.000đ một tháng.

Anh T có quan điểm: cháu H đã lớn, tự lập nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết; anh xin được nuôi cháu L và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng, hiện anh đang làm lái xe cho công ty B ở phường 5, quận B, thành phố Hồ Chí Minh với thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ một tháng.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị Hoàng Thị L đồng ý để anh T nuôi cháu Vũ Hoàng Hồng L ngoài ra chị giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Vũ Đức T là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Hồng L, sinh ngày 23/3/2001 cho anh Vũ Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Án phí ly hôn: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Vũ Đức T tuy nhiên anh T đã có đơn xin xử vắng mặt, HĐXX căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Thọ tại phiên tòa.

* *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L nhận thấy:* Mặc dù các đương sự chị Hoàng Thị L, anh Vũ Đức T đều trình bày anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 1992 tuy nhiên các đương sự không xuất trình được tài liệu chứng minh cho việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Bên cạnh đó kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tại phòng Tư pháp huyện D thể hiện sổ đăng ký kết

hôn của xã Đ năm 1992 hiện nay không còn lưu trữ, ngoài ra qua tra cứu không có trường hợp nào đăng ký kết hôn có tên vợ là Hoàng Thị L sinh năm 1973 và tên chồng là Vũ Đức T sinh năm 1973 ở H, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam; Từ đó nhận thấy mặc dù chị L, anh T có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đủ điều kiện để công nhận là hôn nhân thực tế vì thế không có đủ cơ sở khẳng định chị Hoàng Thị L và anh Vũ Đức T là vợ chồng.

* *Về con chung*: chị L, anh T có 02 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 25/8/1993 và Vũ Hoàng Hồng L, sinh ngày 23/3/2001. Xét thấy cháu Vũ Thị H đã trưởng thành có cuộc sống riêng, tự lập và chị L, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Đối với cháu Vũ Hoàng Hồng L có nguyện vọng xin được ở với bố, tại phiên tòa chị L đồng ý để anh T nuôi cháu L vì thế để đảm bảo điều kiện nuôi con tốt nhất xét nên giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

* *Về án phí*: Chị Hoàng Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội;
- Thông tư số 01/TTLT-TATC-VKSTC-BTP ngày 09/6/2000
- Khoản 1 điều 11; khoản 2 điều 17; điều 92, 93, 94 Luật HNGĐ 2000
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

1. Không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Vũ Đức T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Hồng L, sinh ngày 23/3/2001 cho anh Vũ Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Các bên được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp ngày 27/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm; Chị Hoàng Thị L có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Đức T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND huyện D
- Chi cục THA huyện D.
- UBND xã Đ;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN NGỌC THUẬN